

Bản án số: 59/2023/HS-PT

Ngày: 28-4-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Lộc

Các Thẩm phán: Ông Lê Quân Vương

Ông Lê Sỹ Trứ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tường - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ngô Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18, 25 và 28 tháng 4 năm 2023 tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 109/2021/TLPT-HS ngày 14 tháng 6 năm 2021 đối với bị cáo Lê Hải B. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 26/2021/HS-ST ngày 06 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Bị cáo có kháng cáo:

Lê Hải B (tên gọi khác: U) sinh năm 1967 tại tỉnh Bình Dương; nơi đăng ký thường trú: xã Thanh An, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương; nơi đăng ký tạm trú: xã Định Hiệp, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị M (đã chết); bị cáo có vợ và 01 con; tiền sự: không; tiền án:

- Ngày 22 tháng 02 năm 1995, bị Tòa án nhân dân tỉnh Sông Bé xử phạt 05 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân” tại Bản án số 14/HSST;

- Ngày 25 tháng 12 năm 2003, bị Tòa án nhân dân huyện (nay là thị xã) Bến Cát, tỉnh Bình Dương xử phạt 60 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tổng hợp hình phạt chung cho 02 tội là 72 tháng tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 66/HSST.

Nhân thân: ngày 29 tháng 3 năm 1985, bị Tòa án nhân dân huyện Bến Cát, tỉnh Sông Bé (nay là thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương) xử phạt 12 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân” tại Bản án hình sự sơ thẩm số 11/HSST.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 13 tháng 01 năm 2014 đến ngày 14 tháng 02 năm 2015 được hủy bỏ biện pháp tạm giam, bị tạm giam lại từ ngày 28 tháng 5 năm 2015 đến ngày 27 tháng 7 năm 2015, được hủy bỏ biện pháp tạm giam. Bị cáo tại ngoại, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Hải B: Ông Nguyễn Ngọc Hùng – Văn phòng Luật sư Ngọc Hùng, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương, có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 01 bị hại; 07 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án do không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: ngày 07/4/2013, Trần Quang Q mua 01 chiếc máy cày hiệu Internationnal, model 272, màu sơn đỏ, số khung D7.272-973333C3, số máy 2D92-1-11590, không có biển số, kèm theo 01 romoóc màu xanh kích thước 2,9 m x 1,9 m x 01m của Nguyễn Văn N. Q và N thực hiện mua bán xe có làm giấy tay.

Khoảng 18 giờ ngày 07/4/2013, ông Q làm tiệc mừng mua máy cày và có mời Lê Hải B, Trần Quang Y, Trịnh Thanh X, Chu Đình T đến dự tiệc. Trong lúc ngồi dự tiệc, B nói với Q: “Anh Q cho em thuê chiếc máy cày để em chở trà, mỗi ngày em trả cho anh 100.000 đồng”, Q đồng ý và nói với B: “Ngày mai anh đến mà lấy xe”. Sáng ngày 08/4/2013, B đến nhà Quý lấy chiếc máy cày nêu trên cùng romoóc và sử dụng làm phương tiện để chở cây trà thuê trên địa bàn huyện Dầu Tiếng. B và Q thỏa thuận mỗi ngày 100.000 đồng nhưng trả theo tháng là 3.000.000 đồng, không tính tháng 28, 30 hay 31 ngày.

Bằng trả tiền thuê xe máy cày cho ông Q được khoảng 03 tháng, đến tháng 7/2013, B nghe một số người nói đến cửa khẩu Tà Thiết thuộc huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước mua gỗ trái phép từ Campuchia về bán lời được tiền nhiều nên B nảy sinh ý định chiếm đoạt của ông Q bán lấy tiền để mua gỗ trái phép về bán kiếm lời. Thực hiện ý định trên, B điều khiển xe máy cày cùng romoóc nêu trên đến huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước. Sau đó, B đem xe máy cày cùng romoóc đến tiệm cầm đồ của bà Trần Thị C cầm xe máy cày và romoóc cho bà C lấy số tiền 25.000.000 đồng. Khoảng 10 ngày sau, B đến tiệm cầm đồ của bà C nói: “Chị C giúp cho em thêm 10.000.000 đồng”, bà C nói: “Chị dạo này cũng cần 01 chiếc máy cày để vận chuyển nguyên liệu, hay em bán chiếc máy cày này luôn cho chị được không?”, B đồng ý bán chiếc máy cày

cùng romoóc cho bà C và lấy thêm 10.000.000 đồng, bà C nói B có quyền đến chuộc lại chiếc máy cày trong vòng 30 ngày. Khoảng 03 ngày sau, B đem theo số tiền 35.000.000 đồng đến tiệm cầm đồ của bà C với ý định để chuộc lại xe máy cày nêu trên, nhưng bà C nói đã bán chiếc máy cày nêu trên cho người khác nên bà C đưa thêm cho B 2.000.000 đồng. B dùng số tiền 37.000.000 đồng từ việc bán máy cày cho bà C đi mua gỗ trái phép từ Campuchia và thua lỗ hết số tiền 37.000.000 đồng. Đối với chiếc máy cày cùng romoóc sau khi mua của B, bà C bán lại cho bà Thị E với giá 40.000.000 đồng và ngày 09/9/2013, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng thu giữ chiếc máy cày nêu trên.

Kết luận định giá tài sản số 53/KLĐG ngày 11/9/2013 của Hội đồng định giá tài sản huyện Dầu Tiếng kết luận: 01 chiếc máy cày hiệu Internationnal, model 272, màu sơn đỏ, số khung D7.272-973333C3, số máy 2D92-1-11590, kèm theo 01 romoóc bằng sắt màu xanh kích thước 2,9 m x 1,9 m x 01m trị giá là 43.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, ông Trần Quang Q khai nhận do xe máy cày hiệu Internationnal, model 272, màu sơn đỏ, số khung D7.272-973333C3, số máy 2D92-1-11590, không có nguồn gốc hợp pháp. Khi bị công an thu giữ, Trịnh Xuân F (vợ F là Phan Anh I, Q là em rể của I) có 01 hóa đơn bán hàng số 0081385 của cửa hàng bán máy nông lâm ngư cơ Huỳnh Mai tại xã Long Thành Nam, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh (hóa đơn bán hàng này do cửa hàng bán máy nông lâm ngư cơ Huỳnh Mai xuất cho ông F, bà I. Khi ông F bà I mua 01 chiếc máy cày hiệu Massey 135 của cửa hàng Huỳnh Mai), do hóa đơn bán hàng của cửa hàng Huỳnh Mai không có ghi số khung, số máy của chiếc máy cày Massey 135, nên ông F ghi số khung, số máy của chiếc máy cày hiệu Internationnal, model 272, màu sơn đỏ, số khung D7.272-973333C3, số máy 2D92-1-11590 vào hóa đơn bán hàng của cơ sở Huỳnh Mai và giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng. Ngày 19/9/2013, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng đã trả lại xe máy cày cùng romoóc nêu trên cho ông Q. Sau khi nhận lại xe máy cày cùng romoóc, ông Q bán lại cho Võ Văn K với số tiền 44.000.000 đồng. Ngày 12/11/2014, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng đã thu giữ lại chiếc máy cày này cùng romoóc nêu trên.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 26/2021/HS-ST ngày 06 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương, đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Lê Hải B phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 175, Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Lê Hải Bằng 02 (hai) năm 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 13 tháng 01 năm 2014 đến

ngày 14 tháng 02 năm 2015 và từ ngày 28 tháng 5 năm 2015 đến ngày 27 tháng 7 năm 2015.

Về trách nhiệm dân sự: buộc bị cáo Lê Hải B bồi thường cho bà Trần Thị C số tiền 37.000.000 đồng.

Ghi nhận ông Trần Quang Q không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không xem xét giải quyết.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 17 tháng 5 năm 2021, bị cáo Lê Hải B có đơn kháng cáo với nội dung xin được xem xét kê oan và xét xử lại đối với toàn bộ bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến: sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Lê Hải B có đơn kháng cáo kê oan. Bản thân bị cáo có nhân thân xấu, từng bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản và bị cáo có 02 tiền án về hành vi chiếm đoạt tài sản chưa được xóa án tích nay tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm được quy định tại điểm e khoản 2 Điều 175 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo nhận tội, xin giảm nhẹ hình phạt được ở bên ngoài để chăm lo cho gia đình và cung cấp giấy xác nhận có hoàn cảnh gia đình khó khăn. Do đó, có cơ sở xem xét chấp nhận giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo B. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2021/HS-ST ngày 26/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương, giảm cho bị cáo từ 02 đến 04 tháng tù.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Hải B trình bày: tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã nhận tội và cung cấp giấy xác nhận có hoàn cảnh gia đình khó khăn xin giảm nhẹ hình phạt để có điều kiện chăm lo cho gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án bằng thời gian tạm giam để bị cáo được ở bên ngoài chăm lo cho gia đình.

Bị cáo đồng ý với phần trình bày của người bào chữa, bị cáo không tham gia tranh luận gì thêm.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo để có cơ hội chăm lo cho gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án và đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo được thực hiện trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Căn cứ vào lời khai của bị cáo và các chứng cứ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở để xác định như sau: ngày 07/4/2013, ông Trần Quang Q làm tiệc mừng mua xe, Quý có mời Lê Hải B, Trần Quang Y, Trịnh Thanh X, Chu Đình T đến dự tiệc. Trong lúc ngồi dự tiệc, bị cáo B có hỏi thuê xe này của ông Q, giá thuê mỗi ngày 100.000 đồng, trả tiền thuê mỗi tháng là 3.000.000 đồng, không tính tháng có 28, 30 hay 31 ngày thì Q đồng ý. Sáng ngày 08/4/2013, B đến nhà Q lấy chiếc máy cày nêu trên cùng romoóc để chở thuê trên địa bàn huyện Dầu Tiếng; bị cáo B trả tiền thuê xe máy cày cho ông Quý được khoảng 03 tháng, đến tháng 7/2013, B đem xe cùng romoóc đến tiệm cầm đồ của bà Trần Thị C để cầm với số tiền 25.000.000 đồng, khoảng 10 ngày sau, Bằng đến tiệm gặp bà Trang nhận thêm 10.000.000 đồng”, khoảng 03 ngày sau, bà C đưa thêm cho B 2.000.000 đồng; bị cáo B dùng số tiền 37.000.000 đồng vào việc làm ăn và thua lỗ hết số tiền trên.

Kết luận định giá tài sản số 53/KLĐG ngày 11/9/2013 của Hội đồng định giá tài sản huyện Dầu Tiếng kết luận: 01 chiếc máy cày hiệu Internationnal, model 272, màu sơn đỏ, số khung D7.272-973333C3, số máy 2D92-1-11590, kèm theo 01 romoóc bằng sắt màu xanh kích thước 2,9 m x 1,9 m x 01m trị giá là 43.000.000 đồng.

Tại các phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm trước đây bị cáo Lê Hải B không thừa nhận hành vi phạm tội và có đơn kháng cáo kêu oan.

Tại phiên tòa phúc thẩm trong các ngày 18, 25 và 28 tháng 4 năm 2023, bị cáo Lê Hải B thừa nhận hành vi phạm tội, sự thừa nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của chính bị cáo (tại bút lục số 14, 15, 16); biên bản ghi lời khai (tại bút lục từ số 17 đến số 33); lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Trần Thị C, ông Nguyễn Văn N; người làm chứng ông Trần Quang Y, Trịnh Thanh X, có đủ cơ sở khẳng định: chiếc xe máy cày hiệu Internationnal, model 272, màu sơn đỏ, số khung D7.272-973333C3, số máy 2D92-1-11590, kèm theo 01 romoóc bằng sắt màu xanh kích thước 2,9 m x 1,9m x 01m là của ông Trần Quang Q cho bị cáo B thuê với số tiền 100.000 đồng/ngày; sau khi được ông Q giao tài sản bị cáo B đem cầm cố sau đó bán cho bà Trần Thị C với giá 37.000.000 đồng mà không được sự đồng ý của ông Q.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, thể hiện ý thức xem thường pháp luật và bất chấp hậu quả, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý; bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự về hành vi mà bị cáo đã thực hiện. Bị cáo B có 02 tiền án, chưa được xóa án tích, nay lại tiếp tục phạm tội do đó lần phạm tội này là thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Hội đồng xét xử xét thấy tại cấp sơ thẩm qua các lần xét xử trước đây bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội, gây khó khăn

cho công tác điều tra, truy tố xét xử; các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm có đủ căn cứ để buộc tội bị cáo và xét xử bị cáo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” nên bị cáo không được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; mức hình phạt 02 (hai) năm 04 (bốn) tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo B là phù hợp. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, thể hiện thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và có đơn xin xác nhận hoàn cảnh khẩn để xin giảm nhẹ hình phạt là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được áp dụng đối với bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017). Xét thấy, vụ án xảy ra vào tháng 4 năm 2013 đến nay, do chuyển biến tình tội phạm và tính nguy hiểm cho xã hội của bị cáo đối với hành vi phạm tội không còn, xét thấy thời gian tạm giam 01 năm 02 tháng 29 ngày cũng đủ sức răn đe giáo dục bị cáo trở thành người tốt, cụ thể kể từ ngày 27 tháng 7 năm 2015, khi bị cáo được các cơ quan tiến hành tố tụng thay đổi hủy bỏ biện pháp tạm giam cho bị cáo được tại ngoại cho đến nay, bị cáo không thực hiện hành vi vi phạm pháp luật nào khác nên có căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và không cần thiết tiếp tục giam giữ đối với bị cáo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với những người thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, nên Hội đồng xét xử sẽ áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự và Điều 328 của Bộ luật Tố tụng hình sự, xử phạt bị cáo bằng thời gian mà bị cáo đã bị tạm giam trước đây.

[4] Về trách nhiệm dân sự: bị cáo Lê Hải B có trách nhiệm thanh toán cho bà Trần Thị C số tiền là 37.000.000 (ba mươi bảy triệu) đồng mà bị cáo đã nhận trước đây.

[5] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bị cáo, giảm hình phạt cho bị cáo 03 tháng tù là chưa phù hợp nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8] Án phí hình sự phúc thẩm: do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Hải B, sửa Bản án hình sự sơ thẩm 26/2021/HS-ST ngày 06 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương như sau:

1. Về trách nhiệm hình sự: tuyên bố bị cáo Lê Hải B phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và khoản 5 Điều 328 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Hải B 01 (một) năm 02 (hai) tháng 29 (hai mươi chín) ngày tù, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 13/01/2014 đến ngày 14/02/2015, bị cáo đã chấp hành xong.

2. Về trách nhiệm dân sự: buộc bị cáo Lê Hải B có trách nhiệm thanh toán cho bà Trần Thị Trang số tiền là 37.000.000 (ba mươi bảy triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về xử lý vật chứng: giao Ủy ban nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xử lý theo thẩm quyền đối với chiếc xe máy cày hiệu Intennationnal, model 272, màu sơn đỏ, số khung D7.272-973333C3, số máy 2D92-1-11590, kèm theo 01 romoóc bằng sắt màu xanh kích thước 2,9m x 1,9m x 01m không có giấy tờ hợp pháp.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 16/12/2014 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương và Chi cục thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương).

4. Án phí dân sự sơ thẩm: bị cáo Lê Hải B phải chịu 1.850.000 (một triệu tám trăm năm mươi nghìn) đồng.

5. Án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo Lê Hải B không phải chịu. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (Vụ GDKT 1);
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Phòng Hồ sơ – Công an tỉnh Bình Dương;
- Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương (2);
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương;
- Bị cáo,
- Người tham gia tố tụng (1);
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Thanh toán NQ18, phiên tòa (2);
- Lưu VP (2), hồ sơ vụ án, NMT, 19.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Văn Lộc